

Thử đọc lại truyền thuyết Hùng Vương (2):

Nước Sở: Cái Nôi của dân Việt

Nguyễn Nguyễn

Trong một bài trước, truyền thuyết Âu Cơ và Lạc Long Quân đã được giải mã theo lối nhìn của thế kỷ 21. Dưóc góc độ đó chúng ta bắt buộc phải đề ý đến:

- * Thời điểm chính xác của câu chuyện: Do ở chỗ nhân danh và địa danh câu chuyện chỉ có thể có tại nước Sở vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, chúng ta đã suy ra rằng thời điểm chính xác câu chuyện chỉ có thể xảy ra sau thế kỷ thứ 6 trước Công Nguyên. Khi nước Sở đã đạt đến tột đỉnh của quyền lực và ảnh hưởng;
- * Chia tay giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân: Biểu tượng cho phân ly giữa hai chủng Âu (tức Thái) và Lạc (tức Việt). Trước sau ít lắm cũng đến 3 lần.

GIẢI MÃ TRUYỀN THUYẾT

Xin tóm tắt truyền thuyết theo giải mã, như sau:

1. Chuyện Âu Cơ - Lạc Long Quân là một chuyện di tản hằng khối, hoặc chuyện cố gắng hợp chủng, của hai chi chủng Thái (Âu) và Việt (Lạc), đều có mặt tại địa bàn nước Sở thời xưa. Hợp tác, hợp chủng để cùng chống lại chủng Hoa. Nhưng cuối cùng ước mơ không thành và đành phải chia tay.
2. Truyền thuyết này bắt nguồn từ một truyền tích cổ của người Mường. Bối cảnh thật sự của câu truyện được dựng chung quanh nước Sở ở thời Xuân Thu Chiến quốc bên Tàu. Sở, trước khi bị nước Tần thôn tính vào năm 221 TCN, bao gồm hai tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc ngày nay, và chung quanh Hồ Động Đình, lan rộng đến bờ biển phía Đông.
3. Truyền thuyết Âu Lạc, như đã đề cập ở bài 1 (Hùng Vương mang hai giòng máu), và khác với bản Mường, có một đoạn Fast Forward (quay nhanh), khiến người Việt, kể cả những nhà khảo cứu, thường không để ý đến, hoặc bỏ sót. Đó là đoạn Đế Minh *bắt chuyến máy bay China Airlines 2879 TCN* đi 'tuần thứ' phương Nam. Thời Đế Minh, khoảng cuối thiên niên kỷ thứ 3 trước Công Nguyên, Hoa chủng nguyên thủy không biết gì đến các địa danh như châu Kinh và Dương (cho ra tên Kinh Dương Vương), rặng Ngũ Lĩnh, Động Đình Hồ,... Bởi đó là những địa danh, nhân danh của nước Sở, chỉ được thành lập ngót 2000 năm sau khi Đế Minh ra đời (khoảng năm 1000 TCN). Toàn bằng chữ Tàu rỗng và chỉ có vào thời Xuân Thu Chiến Quốc (770-221TCN). Đặc biệt, diễn biến câu chuyện từ khi Kinh Dương

Vương xuất hiện, hoàn toàn xảy ra sau năm 1000TCN. Tức chuyện Âu Cơ và Lạc Long Quân chỉ là chuyện di tản hai tộc Âu và Lạc xuống khu vực xứ Việt cổ khi sức ép khủng bố của chủng Hoa nguyên thủy quá sức dữ dằn.

4. Người Sở có gốc chủng Thái. Người Mường cũng vậy. Và rất nhiều bộ tộc Mường khởi xuất di tản từ Sở, vào thời loạn lạc của Đông Chu liệt quốc. Họ chạy xuống phía Nam, hội nhập với *đồng chủng* tại các xứ ven biên giới Việt Hoa ngày nay như: Tây Âu (tức Âu Việt) và Điền Việt (tức Nam Chiếu). Rồi sau đó theo với truyền thuyết, và cũng theo cổ sử Tàu, đặc biệt quyển Hoài Nam Tử của Liu An, họ vẫn bị quân Tần rượt bén nút.
5. Bắt đầu của truyền tích: 'Đế Minh cháu 3 đời của vua Thần Nông' đã gây ra lộn xộn, và bao hiểu nhầm, suốt 600 năm qua. Mục đích của việc kéo Thần Nông vào truyền tích chỉ ở chỗ cho người Hoa biết dân Việt cũng phát xuất cùng thời với chủng Hoa. Thật ra, trong lối cấu tạo truyền thần thoại, không có cách nào khác hơn là việc đưa Thần Nông vào câu chuyện. Các tác giả cũng đã biết rõ, Thần Nông, nếu người thật, thuộc chủng Yueh (gồm Thái và Việt), chứ không phải chủng Tàu. Bởi, như chúng ta sẽ thấy phía sau, Thần Nông, Đế Minh, Đế Nghi, v.v. đều là 'dân' Sở, với khối Yueh làm chủ lực. Không có DNA hay giọt máu Tàu nào trong người hết.
6. Thần Nông nên được xem như một biểu tượng, cho biết dân đó xứ đó thời đó đã tiến lên sinh sống bằng canh nông. Thần Nông, người Tàu đã nhận bá vợ là một trong những ông tổ của họ. (Cũng như vào thế kỷ 21 này, họ nhận luôn Xy Vu, thánh tổ Miêu tộc là một trong 3 thủy tổ người Hoa). Và đây chính là chỗ đã gây ngộ nhận trong giới nghiên cứu Việt Nam, suốt mấy thế kỷ qua. Sự thật, Thần Nông, nếu người, lại là người Sở chủng Yueh (chỉ Thái). Bởi ngày nay, tại Hồ Bắc có rất nhiều tượng thờ Thần Nông. Có tượng mang đầu sừng trâu. Và Hồ Bắc chính là địa bàn chính và ban đầu của nước Sở thời xa xưa. Ngoài ra, tại Việt Nam, nhiều bộ tộc Mường hãy còn thờ Thần Nông như thánh tổ nghề nông [1]. Rất có khả năng, do đó, nhiều bộ tộc Mường đã di tản từ khối Yueh ở nước Sở.
7. Nếu xem tên các nhân vật như biểu tượng - ta sẽ thấy thật rõ:
 - Kinh Dương Vương: chỉ dân châu Kinh và châu Dương, đều là hai châu chính của nước Sở. Đất Kinh bao gồm dân chủ lực thuộc chủng Âu (tức Thái). Đất Dương nằm về phía Đông của đất Kinh, chứa dân Việt chi Lạc. Châu Dương bao gồm vùng đất Sở chiếm về sau này ở vùng ven biển: nước U Việt (Câu Tiễn) và nước Ngô (Phù Sai).
 - Âu Cơ: tiêu biểu cho nhóm dân tộc hãy còn theo Mẫu Hệ. Nhóm người Âu (Thái) ưa sinh sống ở miền núi rừng. Rất rõ 'Âu Cơ' mang

họ 'Âu' của chủng Âu hay người nước Tây Âu. Bản Mường cho Âu Cơ mang tiền kiếp con nai đốm sao, cũng loại thú sống miền rừng núi. Bản Việt ám chỉ Âu Cơ chính là tiên, viết theo chữ Hán chính là 'người xuất hiện trên núi': 'người + núi' = nhân (ren) + sơn (shan): 仙 (仙 = 人 + 山 => tiên = nhân + sơn) đã xác nhận rõ 'Âu Cơ' là dân miền núi rừng, tức chủng Thái cổ hay Mường. 'Âu' trong 'Âu Cơ' cũng khẳng định bà 'Âu Cơ' mang trong người máu và DNA của chủng Âu, tức Thái. Nước có chủng Thái (Âu) bị tiêu diệt trễ hơn Sở chính là Tây Âu, đại khái nằm ở địa bàn Quảng Tây ngày nay.

- Bởi cái tên 'Kinh Dương Vương' có chứa chữ 'Dương', chỉ đất Dương, tác giả truyền thuyết mới dựng nên được một nhân vật chủng Lạc (Việt) mang tên Lạc Long Quân. Lạc Long Quân, với họ Lạc, tên lót 'Long', tức rồng chỉ dân miền đồng bằng gần sông biển. Tiêu biểu cho chủng Lạc (Việt). Đây có thể là điểm 'tuyệt chiêu', hoặc nói cho nôm na, 'sâu sắc', của các tác giả truyền thuyết, chứng tỏ tác giả đã không để một sơ sót về hồ sơ chủng tộc của Lạc Long Quân. Bởi nếu cho cha của Lạc Long Quân mang tên không có chữ 'Dương' trong đó, như 'Kinh Vương' chẳng hạn - vấn đề sẽ đổ vỡ ngay tại chỗ, bởi đất Kinh chỉ có chủng Thái *chủ lực* mà thôi. Đất 'Dương' mới có chủng Lạc [30]. Muốn cho chắc ăn hơn, tác giả cho thêm họ LẠC vào tên 'Long Wang' từ bản nguyên thủy của Mường, thành Lạc Long Quân, để nhấn mạnh y có máu và DNA của chủng Việt (Nam). Do ở chỗ tác giả đã bao gồm 'Dương' trong tên 'Kinh Dương Vương', việc cho Lạc Long Quân mang máu Lạc 100% mới được hợp lí. Về sau, để ý đến tên hiệu An Dương Vương của Thục Phán. 'An Dương' có thể mang nghĩa 'trị an xứ Dương', ám chỉ một người chủng Âu (tức Thái) trị AN được xứ DƯƠNG của chủng Lạc.

8. Hôn nhân giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân là thứ hôn nhân của hai người dị chủng, một thứ 'tình không biên giới', biểu tượng cho thí nghiệm hợp chủng giữa Âu và Lạc, qua chuyện di tản thuở ban đầu của dân chúng ở hai châu Kinh (Thái) và Dương (Việt), chạy trốn sức ép của vua quân nước Chu, nước Sở (chuyên đi dẹp các đám rợ), nước Tần, ... HOẶC qua việc Thục Phán, người chủng Âu chiếm xứ Lạc và lập nên nước Âu Lạc. Hay biểu tượng cho việc Triệu Đà sát nhập miệt dưới của xứ Âu Lạc, gồm đa số chủng Lạc, với đất Nam Việt thuở ban đầu bao gồm phần lớn Quảng Đông, thuộc chủng Âu, tức Thái. Hợp chủng Việt với Thái theo truyền thuyết có thể xảy ra từ lúc hai chủng còn sinh sống bên nhau ở nước Sở, qua các địa danh và nhân danh như: Hồ Động Đình, Ngũ Lĩnh, Kinh Dương Vương (châu Kinh hợp với châu Dương), Thần Nông (vị thần có đầu mang sừng tru (trâu), hiện còn được thờ tại Hồ Bắc, tức Sở ngày xưa),...

9. Truyền thuyết, cả Mường lẫn Việt, nói rất rõ vợ Âu Cơ và chồng Lạc Long Quân thuộc hai chủng tộc khác nhau: Âu Cơ chủng tiên hay nai có đốm sao, Lạc Long Quân, giống rồng hay cá. Ở nhau lâu dài không đặng. Nên đành phải chia tay. Nàng Âu dẫn 50 con đi về quê thật sự của mình: tức miền rừng núi. (Đề ý cả ‘tiên’ lẫn ‘nai’ đều là biểu tượng của rừng núi). Trong khi chàng Lạc dẫn con xuôi về miền đồng bằng gần sông gần biển (giống rồng hay cá đều có môi trường sinh sống là nước).
10. Cuộc chia tay giữa vợ Âu và chồng Lạc nói thật rõ: chủng nào nên trở về địa bàn sinh sống nguyên thủy của chủng ấy. Trên thực tế, chúng ta đã thấy người Hán sau khi xâm chiếm toàn cõi Hoa Nam đã tách nước Nam Việt thành 2 phần: phía Bắc gọi Quảng Châu bao gồm toàn dân Âu tức Thái. Phía Nam gọi Giao Châu với thành phần chủ lực là dân Lạc, tức Việt. Quảng Châu có rất nhiều núi rừng thích hợp với dân Âu. Giao Châu trở thành nơi tụ tập hoặc tiếp nhận dân Việt chủng Lạc, thích địa bàn gần sông gần biển.
11. Ngay tại địa phận Giao Châu, những người gốc Âu (Thái) cũng cảm thấy việc hợp chủng có mùi thất bại, và cũng theo truyền thống can cường xưa cũ không chịu được thế lực đô hộ Bắc phương, nên một số lại di cư về miền rừng núi. Lâu ngày họ trở thành người Mường. Người chủng Lạc (Việt), cùng với một số chủng Âu, ở lại miền đồng bằng châu thổ, trở thành người Kinh. Đó là ý nghĩa của Âu Cơ dẫn nửa đám con lên núi, và Lạc Long Quân đưa con xuôi về miền sông biển, của cả hai truyền thuyết Việt lẫn Mường.

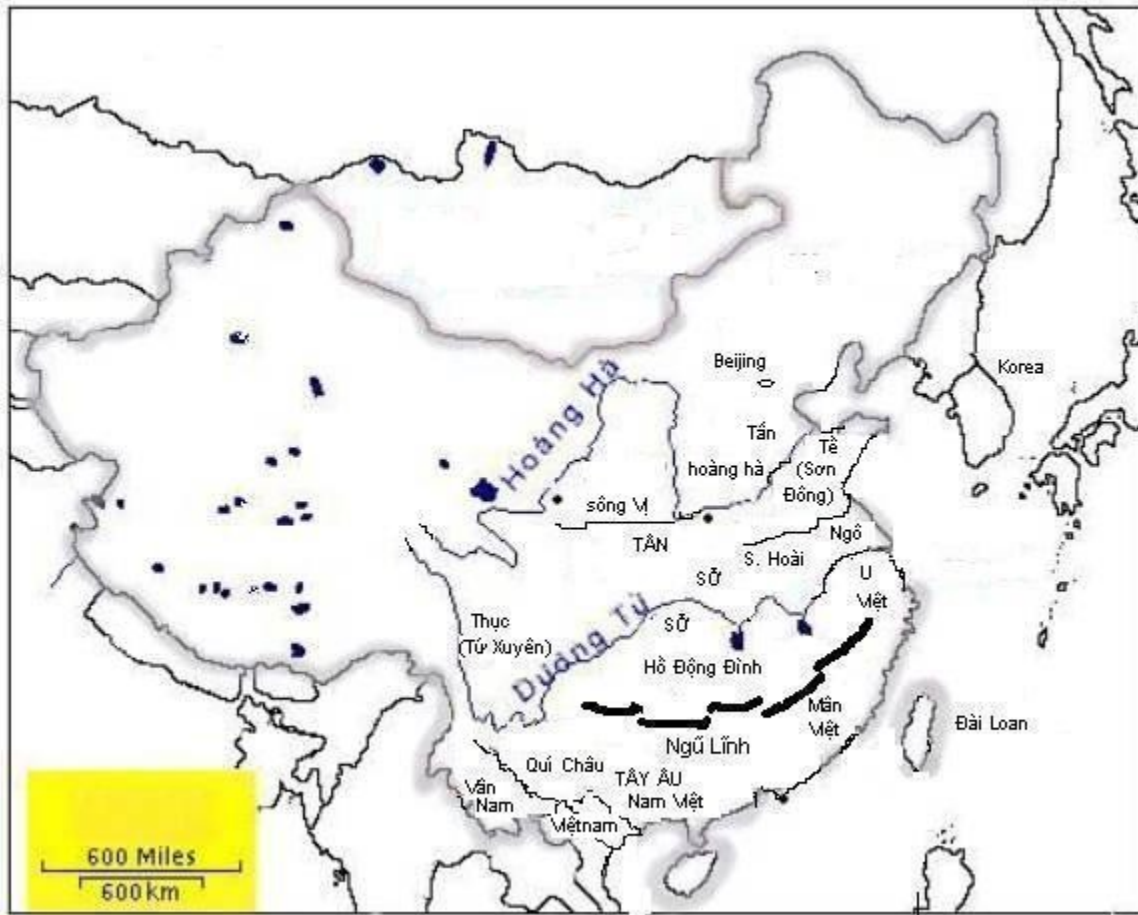
Sau đây chúng ta hãy xem lại cổ sử Tàu, và đặc biệt chú ý đến nước Sở của thời Xuân Thu Chiến Quốc (khoảng 770-221 TCN) bên Tàu.

TRUNG HOA Ở VÀO THỜI XA XƯA

(i) Thần Nông và vua chúa thời huyền sử

Truyền thuyết có nhắc đến Thần Nông. Thần Nông là ai?

Thần Nông là một trong những Tam Hoàng và Ngũ Đế của người Hoa. Người Hoa ban đầu tự xưng nước họ là Trung thổ, Trung nguyên, rồi Trung quốc. Nước ở chính giữa mặt đất. Họ cho dân tộc họ mạng Thổ (theo thuyết Ngũ Hành), bởi ở miền Trung thổ, màu vàng theo sát với màu đất loess (tức 'hoàng thổ'), tạo nên bởi cát phù sa do gió và bão táp tải đến. Họ sống bên bờ sông có nước màu vàng (của đất loess) - nên gọi sông đó luôn là sông vàng, tức Hoàng Hà. Một trong 3 ông vua đầu tiên của họ mang tên Hoàng Đế, với nghĩa: vua của đất vàng.



Đầu tiên là Bàn Cổ, tốn 18 ngàn năm tạo ra trời đất và nhất là Trung Nguyên, ở tại trung tâm mặt đất. Sau Bàn Cổ ít lâu đến thời Tam Hoàng và Ngũ Đế. Có nhiều giả thiết khác nhau về tên của 3 vị Hoàng với 5 vị Đế đó. Tam Hoàng thường kể đến nhất gồm có: Hoàng Đế, Phục Hi, và Thần Nông. Còn những vị Ngũ Đế quen thuộc nhất bao gồm: bà Nữ Oa (đội đá vá trời), vua Nghiêu (Yao) và Thuấn (Shun). Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn. Thuấn truyền ngôi cho Yũ (Vũ). Yũ thiết lập nên nhà Hạ, triều đại đầu tiên của Trung Hoa. Nhà Hạ truyền đến 18 đời thì bị mất về tay Thành Thang, dựng nên nhà Thương (Shang), cũng còn gọi Ân (Yin).

Tam Hoàng với Ngũ Đế hoàn toàn mang tính huyền thoại. Nhìn một cách khoa học và khách quan hơn, các vị này phải được xem như biểu tượng cho thời đại, cho nền văn minh. Biểu tượng cho một khối dân tộc, hoặc nền văn minh và trình độ làm lụng sinh sống của dân tộc đó, ở vào thời đó. Thí dụ, Phục Hi đặt ra bát quái, Kinh Dịch. Một chuyện hoang đường, nhưng có thể cho biết vào thời đó người Hoa bắt đầu biết sắp xếp đời sống tâm linh, và tư tưởng của họ cho ra hệ thống, cho có bài bản. Thần Nông là ông vua dạy dân chúng về nghề nông và trồng dược thảo, chữa bệnh. Thần Nông cũng là người khám phá ra trà. Biểu tượng thời đại Hoa chúng tiến lên canh nông như một phương tiện kinh tế chính.

'Hoàng Đế' rất có thể được dùng để chỉ một ý niệm về quyền lực của xã hội vừa mới được hình thành. Hoàng đế cũng có thể chỉ thủ lĩnh của bộ lạc nguyên thủy tại đất màu vàng. Hay tù trưởng liên minh của một số bộ lạc. Tên đầu tiên của nước Tàu có thể là đất Hoàng. Và dân Hoa là dân ở đất màu Vàng (Hoàng).

Cũng ở dạng biểu tượng, rất có thể bà Nữ Oa thuở ban đầu đứng đầu danh sách. Nhất là danh sách về Tam Hoàng. Bởi bà tượng trưng cho xã hội theo Mẫu hệ. Nhưng về sau, khi xã hội đã biến sang Phụ hệ rồi, người Hoa xê dịch vị trí nguyên thủy của bà xuống dưới, rồi qua lại lung tung. Khác với xã hội Nhật, Thái Dương thần nữ vẫn giữ vững vị trí tổ Mẫu dân Nhật, bất chấp thay đổi từ Mẫu hệ sang Phụ hệ.

Thời Thần Nông trước thời nhà Thương, nhà Châu cũng cả mấy ngàn năm. Ngay đến thời nhà Thương, Hoa chủng nguyên thủy chỉ tập trung ở một hai tỉnh ở bên sông Hoàng Hà, như Thiểm Tây, phía Nam của Hà Bắc và Sơn Tây, và phía Bắc của Hà Nam, ngày nay. Đất khác của người khác: Ngay ở thời Xuân Thu (thế kỷ 8-5 trước Công Nguyên), chỉ nội ở miền Hoa Bắc có đến trên dưới 1000 'nước' lớn nhỏ khác nhau [2]. Không hề có chuyện tuần thú đi qua nước này nước kia như ở các đời sau. Tức Đế Minh, nếu chỉ cháu 3 đời của Thần Nông, chưa thể có được một lãnh thổ lớn hơn 1 tỉnh hiện nay của nước Tàu. Không cách gì ông ta đi tuần thú được tới phương Nam của sông Dương Tử. Ở phương Nam đó, người ta hãy còn nói nhiều thứ tiếng Yueh (Việt) khác với tiếng Tàu. Và người Hoa chính tông thường rất sợ dân đó, bởi họ 'cài vạt áo phía bên trái' (tả nhậm) [13]. Chỉ trừ phi, như sẽ thấy rõ, Đế Minh có cùng chung chủng tộc với khối người ở 'phương Nam' đó, Đế Minh mới có thể đi 'tour' xuyên qua đất phương Nam dễ dàng như vậy được.

Như sẽ trình bày phía dưới, gốc gác tổ tiên của 'Hùng Vương' nằm tại địa bàn nước Sở ngày xưa, tức phần lớn Hồ Bắc và Hồ Nam, phía bắc và nam sông Dương Tử, khu vực Động Đình Hồ. Dân nước Sở, ở thời ban đầu (khoảng năm 1000 TCN), bao gồm nhiều chủng mà quan quân nhà Châu ưa gọi giống rợ, tức rất nhiều chủng Yueh (Việt) thuộc khối Bách Việt.

Kinh Dương Vương hoàn toàn một thứ tên hiệu tiếng Hán rỗng, rất có khả năng mang nghĩa vua của đất Kinh và Dương. Hai châu Kinh và Dương chính là hai châu chính của nước Sở. Đất Kinh còn gọi Kinh Man, hay Kinh Cức, hoặc Kinh Việt. Đặt theo tên núi Kinh, phía Tây sông Hán, và phía Bắc sông Dương Tử. Còn đất Dương cũng mang tên Dương Việt, nằm về phía Đông của châu Kinh. Bao gồm hai nước thuộc chủng Lạc (Ngô và U Việt) mà Sở đã thôn tính sau khi trở nên hùng mạnh (333TCN). Địa bàn châu Dương nói theo thời bây giờ gồm các tỉnh: Giang Tây, An Huy, Chiết Giang, và Giang Tô. Nước Sở đầu tiên được thiết lập như một vùng đất chư hầu, 'phên dậu' của nhà Châu vào khoảng năm 1122 trước Công Nguyên (TCN), khi vua Châu Thành Vương ban cho một đại thần gốc Hoa

tên Hùng Yịch với chức Tử, trông coi vùng đất Kinh Man - với nhiệm vụ cai trị và ngăn chặn quấy phá của bọn rợ Yueh ở địa phương. Một người cháu mấy đời sau của Hùng Dịch là Hùng Cừ (khoảng 887 TCN) [3], sau khi diệt được một số nước nhỏ của rợ Yueh chung quanh, bắt đầu đưa vùng đất Kinh Cức trở thành một nước chư hầu hùng cường của nhà Châu [4]. Đến khoảng đầu thời Xuân Thu, lãnh tụ của Sở là Hùng Thông tự ý xưng Vương, tức Sở Vũ Vương (740-689 TCN). Những thế kỷ tiếp nối chứng kiến một nước Sở càng ngày càng trở nên hùng mạnh, và đạt đến tột đỉnh trong thời Sở Trang Vương, một trong Ngũ Bá của toàn nước Tàu ở thời Xuân Thu Chiến Quốc [2]. Để ý tất cả các vua nước Sở đều mang họ Hùng, phát âm y hệt như Hùng Vương. Và truyền thuyết Âu Cơ, bởi do chính người Mường, hậu duệ dân nước Sở bỏ xứ đi di cư, 'sáng tác', đã có đầy đủ những danh xưng, địa danh, nhân danh hoàn toàn thuộc từ vựng của nước Sở thời xa xưa. Trong đó, danh xưng Hùng Vương, chính là 'cóp' từ những danh xưng của vua chúa nước Sở. Suốt hàng chục đời, lãnh tụ nước Sở bao giờ cũng có họ HÙNG và tước VƯƠNG, nhất là từ đời Hùng Thông.

Quê hương Thần Nông cũng ở tại địa bàn của tỉnh Hồ Bắc (phía Bắc Hồ Động Đình), tức phần lớn của nước Sở thời Xuân Thu Chiến quốc. Xin trở lại quan điểm phía trên, Thần Nông nên được xem là một biểu tượng của thời đại hơn là tên của một người thật. Ngày nay, nhiều nơi tại Hồ Bắc có hình tượng 'ông Thần Nông' mang hình người có sừng trâu ở trên đầu. Đặc biệt, theo thiên ý, tên 'Thần Nông' hoàn toàn mang dấu vết tiếng người bản địa nước Sở, chứ không phải tiếng Tàu. Bởi 'Thần Nông' được sắp xếp theo thứ tự của cú pháp không phải tiếng Tàu:

Shen Nong (神农), theo tiếng phổ thông. 'Thần' {神} đứng trước 'Nông' {农}, chứ không phải 'Nông Thần' như theo tiếng Tàu. Tiếng người bản địa nước Sở lúc mới lập quốc chính là tiếng Thái (xin xem Bảng Đối Chiếu 'tiếng Sở' phía dưới). Và người nước Sở chủng Thái chính là tiền thân của người Mường tại Việt Nam. Nhiều 'lang' của người Mường hiện vẫn thờ 'Thần Nông' như một thánh tổ nghề nông của họ. {Ở Thái-Lan, người Thái gọi Thần Nông bằng 'Chan-Nong' và tôn thờ như thánh tổ của dân họ}. Sau khoảng 800 năm xưng hùng xưng bá ở phía Nam của miền Trung thổ chính gốc - với cao điểm thôn tính nước U Việt phía Đông - nước Sở cuối cùng bị nước Tần tiêu diệt vào năm 223 TCN. *Tiếng nước Sở cũng bị Hoa ngữ hoá trước đó cả trăm năm.* (xem tài liệu đại học Massachusetts [5], và ghi chú [6]). Mặc dù vậy giọng nói tiếng Tàu ngày nay của người ở địa bàn Sở xưa, tức dân tỉnh Hồ Bắc và Hồ Nam (quê hương Mao Trạch Đông) vẫn còn giữ 'accent' của tiếng Sở xưa. Người Hoa gọi đó là giọng Hồ Quảng.

Tên của các 'vua' giòng họ 'Đế', như Đế Minh, Đế Nghi, Đế Lai, v.v. cũng vậy. Những tên này chỉ xuất hiện khi Hoa chủng biết đến Yueh (Việt) chủng ở nước Sở, và ngược lại. Bởi Đế Minh và con cháu xuất phát từ dòng Thần Nông, và tên

họ sắp xếp theo kiểu văn phạm Thái-Việt ('Đế', mang nghĩa theo âm 'vua', đi trước tên riêng 'Minh'), nên họ cũng toàn dân Sở, tức thuộc chủng Yueh, chi Thái cổ.

Tên bà Âu Cơ cũng là một tên của người gốc Sở. 'Âu Cơ' đọc theo quan thoại là /Yu ji/ hay có khi /Ou ji/. Và theo Quảng Đông chính là /Ngu Kơ/. Độc giả các truyện Tàu chắc còn nhớ Tây Sở Bá Vương Hạng Yũ (Xiang Yu) vào đêm cuối cùng khi đại bại bởi Lưu Bang, đã được một người ái cơ họ Ngu (có phát âm như /Yu/ theo kiểu quan thoại) múa kiếm để giải sầu. Người Hoa có thể gọi người ái cơ đó là 'Ngu Cơ' 虞姬 [7], nếu đọc theo lối phát âm Quảng Đông (và...Mường) y hệt như 'Ngu Cơ' dùng để gọi bà 'Âu Cơ' 嫪姬 . (Xin xem bài Ai= I= Tôi [8]).

Trở lại truyền thuyết, có thể tóm tắt:

- Thần Nông: tên 'Shen Nong' hoàn toàn theo cú pháp của tiếng chủng Yueh ở nước Sở (như Thái & Việt), chứ không phải tiếng Tàu: Hình dung từ 'Nong' đi theo sau 'Shen'. Ngày nay tỉnh có nhiều tượng thờ Thần Nông nhất chính là Hồ Bắc, cũng thuộc địa bàn nước Sở thời xa xưa. Có thể kiểm chứng qua truy cập internet. bằng 'Shen Nong' hoặc 'Hubei'. Nhiều tượng 'Thần Nông' có mang sừng trâu (trâu) trên đầu, cho biết rất có thể đó chỉ là biểu tượng.
- Cháu 4 đời của Thần Nông là Lộc Tục xưng hiệu Kinh Dương Vương, rất có thể mang nghĩa vua của 2 châu Kinh và Dương, cũng thuộc đất Kinh Man và châu Dương ở nước Sở. Đất Dương nằm ở phía Đông của đất Kinh, phần lớn nhờ ở sát nhập đất Việt vào năm 333 TCN. Lộc Tục, do đó cũng người mang gốc Sở. Nhưng, qua tước hiệu Kinh Dương Vương, Lộc Tục cho biết y bao gồm hai chủng của đất Kinh (Âu=Thái) và đất Dương (Lạc=Việt). Kinh Dương Vương, do đó chính là biểu tượng hai chủng chính yếu đã di tản sang vùng đất của người Việt Nam sau này.
- Kinh Dương Vương lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm tức Lạc Long Quân. Động Đình Quân cư ngụ tại Động Đình Hồ, cũng thuộc địa bàn nước Sở mở rộng.
- Bởi Lạc Long Quân là con của Kinh Dương Vương, tức có chứa máu của dân đất DƯƠNG (= máu chủng Lạc) và nhân mạnh với họ LẠC, Lạc Long Quân đã được tác giả xác định người mang chủng Lạc (tức Việt) 100%. Đây là điểm rất 'tuyệt chiêu' của tác giả truyền thuyết. Không để lộ sơ hở như kiểu tiểu thuyết của Kim Dung.
- Âu Cơ, mẹ của Hùng Vương, là con Đế Lai (theo [9] [10]). Đế Lai cũng là cháu thuộc dòng Thần Nông, cũng người thuộc lãnh thổ nước Sở, nơi chứa rất nhiều dân chủng Âu (tức Thái). Ngoài ra Âu Cơ mang tên rất giống tên người ái cơ của một người hùng gốc Sở: Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ. Âu Cơ cũng mang họ Âu, chỉ rõ thuộc chủng Âu như nước Tây Âu của chủng

Âu (tức Thái). Do đó, Âu Cơ đã được tác giả truyền thuyết minh định thuộc chủng Âu, tức Thái cổ, 100%.

(ii) *Các chủng tộc trong nhóm Bách Việt*

Sử sách Việt cũng thường rất mù mờ về các chủng thuộc khối Bách Việt thời xa xưa. Vấn đề này một phần lớn do ở những tài liệu lộn xộn trong cổ sử Tàu, thường quan tâm đến những vấn đề riêng của họ là một nước lớn và hợp chủng. Rồi mấy ông Tây thời tiền chiến như: Arousseau, Jansé, Madrolle, Maspéro, ...đưa ra quá nhiều thuyết treo căng ngồng nhau, dựa trên những hiểu biết hầy còn hạn hẹp ở thời đó [19]. Và cũng có thể, theo quan điểm của người Pháp đang cai trị nước Nam. Ngày nay có khác, bất cứ vấn đề gì nếu hiểu được cách phiên âm bằng pinyin quan thoại, hay bằng tiếng Anh, người ta đều có thể truy cập khá dễ qua mạng internet. Rất nhiều website đăng tải các bài viết có giá trị từ các giáo sư đại học hoặc những vị có học vị tiến sĩ chuyên ngành (thí dụ [5]). Nghiên cứu vẫn xảy ra dài dài tại các đại học lớn trên thế giới về những vấn đề liên hệ đến cổ sử Á Châu. Tóm tắt: Rất nhiều chủng được người Hoa thời cổ đại gọi 'man yi' hay 'rợ', đặc biệt ở phía Nam và phía Đông, đều có thể quy về chủng Yueh, tức chủng Việt, hay Lạc. Hay nôm na hơn: Khối Bách Việt Chúng ta có thể để ý đến hai điểm rất quan trọng sau đây, về các chủng man di mọi rợ đối với người Hoa thuở cổ thời:

- (a) *Thứ nhất*: Rợ hay chủng Yueh (Việt) không phải chỉ có ở phía Nam sông Dương Tử, mà còn rải rác khắp nơi ở miệt Hoa Bắc, ngay cả phía Bắc sông Hoàng Hà (xem bản đồ). Điển hình nhất là nước Sở (thời mới dựng nước), và các nước chung quanh như Thái, Trần và Trịnh. Rồi đến các nước nhỏ ở vùng lân cận với nước Tề, Tấn và Lỗ, tức khu vực tỉnh Sơn Đông ngày nay [11]. Đặc biệt các nước chư hầu nhà Châu như Tề, Sở, Lỗ lúc ban đầu đều là những vùng đất 'phên dậu' do triều nhà Châu phong cấp cho những đại thần đến để bình định và ngăn chặn đám rợ địa phương ([2], [3], [4]). Để ý năm nhà Châu phong đất thành lập nước Tề và Sở đều là 1122 TCN. Đa số các sử sách đều ghi như vậy mặc dù, ở những nơi khác họ ghi triều đại nhà Châu chỉ bắt đầu vào khoảng 1100-1050 TCN, tức sau khi nhà Châu phong đất thành lập nước phên dậu Sở và Tề. Nhưng đây chỉ là chi tiết nhỏ.

Nổi tiếng nhất về man rợ và hung bạo phải kể đến nước Sở (thí dụ: xem [2] [4]). Chính người Hoa thời mới tạo nên văn minh Hoa Hạ đã để ý đến họ qua lối ăn mặc 'ngược đời' theo lối thuận tay trái, cài vạt áo phía bên trái (tả nhậm) [13]. Cũng ở mạn Bắc hay xích xuống phía Nam sông Dương Tử một chút, còn có một số quốc gia ban đầu cũng rợ như ai, nhưng nhanh chóng đồng hoá theo Tàu, trước khi bị tiêu diệt. Khác với Sở chủng Âu, các đám này thuộc chủng Lạc (hay Việt) có địa bàn ở vùng ven biển. Đó là nước Ngô (ở khu vực Giang Tô ngày nay) và U

Việt (tỉnh Chiết Giang). Ngô và Việt rất nổi tiếng với chuyện tích Tây Thi - Phạm Lãi, và vua Việt Câu Tiễn. Vua nước 'rợ' Câu Tiễn cũng như Ngô Phù Sai, Sở Trang Vương đều dễ dàng lọt vào danh sách 'chung kết' của Ngũ Bá thời Chiến Quốc. Đáng kể trong các đám chủng Lạc còn có một nhóm, nay đây mai đó, thường có mặt tại nhiều chiến trường ở thời Đông Chu Liệt Quốc, gọi tên Bộc Việt, xuất xứ từ đám rợ Lai Yi ở vùng Sơn Đông, về thời Xuân Thu xuống tạm trú tại miền Đông Nam nước Sở (đất Dương) [4] [12].

Thật ra tất cả các nhóm 'rợ' ở phía Bắc sông Dương Tử (tức Trường giang) đã bị (hay được) Hoa hoá khi nhà Tần dứt diêm họ vào thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên, hoặc cùng lắm vào khoảng đầu Công

Nguyên. Những đám rợ chưa bị đồng hoá thông thường đã vượt {越} núi băng đồng mà... tẩu lâu rồi. Nhất là trong thời Xuân Thu Chiến quốc, kéo dài từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên. Đồng hoá đám 'rợ' phía Nam (phía Nam sông Dương Tử) có vẻ kéo dài lâu hơn. Và đến thế kỷ thứ 20, rợ Yueh (Việt) được hoàn toàn xem y như người Hán. Danh sách các khối chủng tộc chính tại Trung quốc chỉ bao gồm: Hán, Tạng, Mông, Mãn, và Hồi hoặc Choang. Tức Hoa với Yueh (Việt) ngày nay đã hợp nhất thành 1 chủng tộc. Thường mang tên gọi chung là HÁN. Và người Trung-Hoa thường rất hãnh diện với sự hợp chủng Hoa-Yueh này. Họ cũng thường che lấp chủng Yueh, tộc khác biệt thời xa xưa. Ngày nay hoàn toàn được xem như người Hán.

Xin đề ý, đầu tiên khi người Hoa chủng khám phá ra chủng Yueh (Việt) ở phía Bắc sông Dương Tử, họ gọi đó nhóm Bách Bộc hay Bộc Việt. Hoặc có thể: Cửu Lê. Về sau đến thời Xuân Thu, họ khám phá thêm một khối Yueh ở phía Nam sông Dương Tử, họ mới gọi đó 'Bách Việt'.

- (b) *Thứ hai:* Rất nhiều nhà khảo cứu Tây phương lẫn Việt ít khi quan tâm đến những chi tiết phân biệt các thứ chủng Yueh ở nước Tàu, nhất là ở miền Hoa Nam, trong thiên niên kỷ trước Công Nguyên. Phải nhìn nhận, Bình Nguyên Lộc trong quyển Mã Lai [4] đã dày công tham khảo, khá đầy đủ, cổ sử Tàu, cũng như rất nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu người Pháp như đã kể trên, để vạch ra một số phân loại tương đối khá vững chắc về các chủng Yueh đó. Mặc dù vậy, có lẽ bởi đặt nặng chuyện bảo vệ thuyết Mã Lai, tác giả vô hình chung lại quên đi phân biệt hai chủng lớn trong nhóm Bách Việt, Âu (tức Thái) và Lạc (tức Việt), mà lại thường xuyên gộp trở lại thành chủng Mã Lai, đợt I và II. Tức hai chủng khác nhau chút ít, Thái và Việt, trước được phân biệt, nhưng sau lại bị nhập chung thành chủng Mã Lai. Từ đó tác giả 'quyển Mã Lai' ưa nhầm lẫn như rất nhiều học giả khác về hai chủng tranh

giành đất sống này, nhất là về địa bàn nguyên thủy - như nước Sở chẳng hạn. Nói nôm na, tác giả 'Mã Lai' cho rằng dân Sở nói tiếng...Việt (Yueh), hay tiếng Mã Lai cổ. Nhưng không minh định thêm một bước tiếp quan-trọng. Đó là thứ tiếng Yueh nào. Khảo cứu ở thế kỷ 21, theo thiên ý, bắt buộc đòi hỏi tiến thêm một bước nữa, đặt chú tâm đến phân biệt các chi chủng khác nhau thuộc khối Bách Việt (hay 'Mã Lai') đó.

Như vậy, có tất cả bao nhiêu thứ chủng Yueh (Việt)? Rất nhiều - hơn 100 chủng, lớn nhỏ đủ thứ. Ngày nay ta vẫn có thể kiểm chứng như thường. Ai đi du lịch Trung quốc có thể để ý, ở rất nhiều nơi, người ta chỉ cần di chuyển trên dưới 30 cây số (khoảng cách như từ Sài Gòn đến Biên Hoà, hoặc Hà Nội ra Nội Bài), tiếng nói hay ngôn ngữ có thể khác nhau rồi. Và có khi khác thật xa. Phân bố các chủng hồi xưa hay bây giờ cũng vậy. Thí dụ: Người Hmong (tức Miêu tộc) có đến 5-6 thứ tộc hơi khác nhau; người Choang ở khu vực Quảng Tây có đến cỡ 10 phương ngữ, tương ứng với 10 tiểu chi tộc có phong tục hơi khác với nhau.

Tóm tắt: vào thuở cổ thời, trước khi bị nhà Tần đánh phá và nhà Hán tiếp theo dứt điểm, ở miền Hoa Nam, có rất nhiều chủng tộc khác nhau. Đại khái có đến 4 chi Lạc - trong đó có 2 chi nằm về phía Tây, và 2 chi chiếm cứ địa bàn chính giữa và ven biển ở phía Đông. Hai chi sau này, chiếm cứ địa bàn Trung và Đông, chính là Chi Âu (tức Thái), và chi Lạc (tức Việt). Mỗi chi lại có rất nhiều 'tiểu chi'. Cả hai chi Âu và Lạc có thể thuộc vào nhóm Cửu Lê (Jiu Li - tức 9 thứ Lê), ban đầu ở phía Bắc (sông Dương Tử). Mỗi một thứ lại có nhiều nhóm có phương ngữ hơi khác nhau. Xin chú ý riêng đến chi Âu (Thái) và chi Lạc (Việt).

Địa bàn chi Thái (tức Âu) vào thời cổ đại bao gồm: nước Thục (về sau bị Tần tiêu diệt, rồi sau này chính là Tứ Xuyên, quê của Đặng Tiểu Bình) [14], nước Sở (tức Hồ Bắc và một phần Hồ Nam – quê hương Mao Trạch Đông), Dạ Lang (tức Quý Châu sau này), Điền Việt (tức Nam Chiếu, rồi Đại Lý, và hiện nay Vân Nam), và lớn mạnh nhất ở Hoa Nam chính là Tây Âu, đại khái ở khu Quảng Tây bây giờ. Đặc biệt các địa bàn tộc Thái xưa, như Tứ Xuyên, Hồ Bắc & Hồ Nam, và Vân Nam đều có thức ăn cay bằng hoặc hơn thức ăn Thái Lan ngày nay [14].

Địa bàn chi Lạc (tức Việt) hơi khác địa bàn chi Âu ở chỗ gần sông gần biển hơn. Đa số nằm ven bờ biển phía Đông nước Tàu. Có thứ ở tận miệt Sơn Đông, Hoa chủng thường gọi: Đông Di, cũng có nhóm ở Giang Tô (nước Ngô ngày xưa), nhóm ở Chiết Giang (tức hậu duệ lê dân nước Việt của Câu Tiễn xa xưa). Cũng có nhóm ở Mân Việt tức tỉnh Phúc Kiến ngày nay, v.v. Cũng có nhóm chuyên du mục, trước ở phía Bắc Hoàng Hà, sau di dân đến Sở, gọi là Bộc Việt. Để ý, theo kiểm

chúng bỏ túi, thức ăn chủng Việt - từ Sơn Đông đến Phúc Kiến, sang qua Việt Nam, không cay bằng của chủng Âu tức Thái, phía trên [14].

Tóm tắt: Có chừng 4 chủng Lạc (hay Yueh) khác nhau. Rất lộn xộn. Nhưng chúng ta chỉ cần nhớ đại khái, 2 chủng liên hệ: Chi Âu (Thái) ưa sống ở vùng núi rừng, thường xa biển. Chi Âu được biểu tượng bằng Âu Cơ, tiền kiếp con nai đốm sao (Mường) hoặc tiên (Việt). 'Tiên' viết theo chữ Tàu: người (ren) + núi (shan). Chi Lạc (Việt) ưa sống gần biển, ở vùng đồng bằng. Tức vùng ven biển từ Sơn Đông chạy xuống tới phía Nam tỉnh Phúc Kiến ngày nay. Biểu tượng cho chi Lạc chính là Lạc Long Quân, thuộc loài cá (Mường) hay 'Rồng' (Việt). Một điểm giúp trí nhớ xin đề nghị ở đây: Ngày nay, các địa bàn của chủng Âu (Thái) xa xưa đều có thức ăn thật cay y như đồ ăn Thái Lan [14].

Điểm cần được nhấn mạnh: Luôn luôn phải phân biệt hai chủng tuy tương tự, và cũng được gọi Việt vào thời xa xưa, nhưng thật ra lại khác nhau và thường xuyên cạnh tranh với nhau: Thái (Âu) và Việt (Lạc). Hai chủng này cuối cùng đã đành chia tay với nhau. Y hệt như Âu Cơ và Lạc Long Quân.

Thiếu thốn phân biệt hai chủng lớn ở phía Nam Trung quốc sẽ đưa đến những kết luận thông thường, và dễ thấy ngay từ lúc bộ sử của Ngô Sĩ Liên ra đời. Các sử gia Tây phương hiện đại (thí dụ: Taylor [17], website của British Council [18]) đều đã giải toả phần lớn vấn đề tối tăm này, kéo dài suốt đến thế kỷ 20, đồng thuận với quan điểm của tác giả quyển Mã Lai [4]. Theo đó quyển Mã Lai đã dành riêng hai chương sách đề bàn về nước Tây Âu, và những sai lầm của các nhà khảo cứu Tây và Tàu ở thời tiền chiến. Tuy nhiên, quyển Mã Lai rất tiếc lại vương phải khuynh hướng tổng quát hoá tất cả các chi chủng trở ra thành chủng Mã Lai duy nhất, đợt I (cách đây 5000 năm) và đợt II (cách đây 2500 năm). Cách qui các chi chủng khối Bách Việt toàn về chủng Mã Lai (hay Indô-nêsiên) rất phổ thông trong thời thập niên 70 ([20]).

Nhằm lần thông thường nhất chính là cuộc kháng chiến của dân Việt chống với quân lính xâm lăng của nhà Tần vào thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên. Bởi người Hoa vào thời cổ đại ưa dùng Yueh (Việt) để chỉ các chủng miền Hoa Nam, rất nhiều vị (thí dụ: xem [15]) dễ bị mang tiếng thấy chủng khác sang bắt quàng làm họ. Họ làm chủng Việt đó là dân Việt Nam cổ. Thật ra đó là dân Âu (tức Thái). Và cuộc kháng chiến theo lối du kích đó là cuộc chiến của dân nước Tây Âu, bao gồm Quảng Tây và một phần Quảng Đông ngày nay [16]. Những người lính và dân nước Tây Âu này mang chủng Thái. Những vị hiệu đính bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư [2] có lẽ cũng thấy chuyện nhận người Tây Âu là người Việt

(Nam) cổ, khá vu vơ - nên chỉ trích dẫn đoạn mô tả của Hoài Nam Tử rồi cho rằng 'chắc' (= có lẽ) quân Tần sau khi đánh được Tây Âu, *thế nào cũng nhào vô xứ người Lạc Việt*. Nhưng, không có kết luận chắc chắn bởi sử ... Tàu không có ghi.

(iii) *Những chủng tộc cư dân tại nước Sở*

Xác định được chủng tộc chiếm đa số ở nước Sở gần như giải quyết được một vấn đề khá gút mắt trong việc tìm hiểu cội nguồn của người nước Nam.

Xin nhắc lại vào khoảng đầu thiên niên kỷ trước Công Nguyên vua Thành Vương nhà Châu phong đất cho một số đại thần ở những vùng đất nổi tiếng có nhiều 'rợ' để bình định và cũng để ngăn chặn sự quấy phá của đám người này. Con ông Châu Công, tức người có công lớn phát triển văn minh Hoa Hạ, được phong đất Lỗ (theo với truyền thống, nước Lỗ sau này sản xuất được Khổng Tử). Lã Vọng được thưởng công bằng đất Tề (tỉnh Sơn Đông ngày nay), nơi nổi tiếng với đám Đông Yi. Hùng Yịch được phong đất Kinh Man, tức Sở sau này. Và các đại thần khác lập nên nước Yên, nước Tống, v.v. (thí dụ: xem [6]).

Tên vùng đất nguyên thủy của Sở là Kinh Man hay Kinh Cức, hoặc Kinh Việt, có rất nhiều rợ... Việt, tức Yueh [4] [6] [20], sinh sống. Dân nước Sở được nổi tiếng rất thô bạo và ... mọi rợ. Ở mặt khác cũng có nhiều bài viết dựa trên những quyển cổ sử Tàu như Sử Ký, Xuân Thu, Tả Truyện, Chiến quốc sách, v.v. cho biết nước Sở bắt đầu theo văn minh Hoa Hạ rất nhanh [6]. Cung điện vua Sở thời Trang Vương nguy nga tráng lệ hơn của nhà Châu rất xa. (Để ý lâu đài và chùa chiền khá nguy nga ở Thái Lan ngày nay). Những khai quật tại địa bàn nước Sở ngày xưa cho thấy những ngôi mộ của những vị vương tước (như mộ của Tử tước Yi) chứa nhiều đồ đồng hơn mộ vua chúa đời Châu đời Thương. Đặc biệt có rất nhiều đồ vật sơn mài và hàng tơ lụa rất đẹp [22]. Theo một số websites đồ sơn mài vào thời đó trị giá cao hơn đồ đồng rất xa. Về văn học, Khuất Nguyên, tác giả của áng thi văn nổi tiếng Ly Tao và Cửu Ca, viết theo kiểu Sở Từ, cũng là người nước Sở, thời Sở Hoài Vương [27]. Sau này Sở Bá Vương Hạng Yũ và Liu Bang, người thiết lập nên nhà Hán huy hoàng, cũng gốc người nước Sở mở rộng (tỉnh Giang Tô bây giờ) [23].

Rất nhiều tài liệu (thí dụ [20][24]) vạch rõ tiếng nước Sở trong thời mới lập quốc rất khác với tiếng Hoa mà Khổng Tử, Mạnh Tử thường dùng. Tư Mã Thiên có viết trong Sử Ký: '*Người nước Sở họ Mị, người nước Việt họ Tư*' (xem [4]). Điểm này cũng dễ bị lầm. Tác giả quyển Mã Lai [4] cũng như rất nhiều nhà khảo cứu Việt lâm Mị ở đây là Mị Nương. Mị là Mệ, dùng để chỉ phụ nữ, theo họ Mẹ, của mẫu hệ. Sự thật, theo trích dẫn của nhóm nghiên cứu tại đại học Massachusetts [24], 'Mị' thật ra là 1 trong 5 từ hiếm hoi thuộc tiếng Sở rợ, may mắn còn sót lại cho đến ngày nay

'Mị' trong tiếng Sở mang nghĩa 'con gấu'. Tiếng Hán đọc kiểu Việt chính là: HÙNG. Bởi vậy tất cả hai mươi mấy đời vua chúa nước Sở đều mang họ Hùng: Hùng Yịch, Hùng Cừ, Hùng Thông, Hùng Sĩ, .v.v. Mặc dù về sau, sau vụ Hùng Thông tự ý xưng vương (tức Sở Vũ Vương), các con cháu kế vị vẫn giữ họ Hùng. Đó là lối gọi họ của dòng vua chúa nước Sở theo tiếng Hoa. Chứ theo tiếng Sở đó là MI: 'Người nước Sở họ Mị, người nước Việt họ Tư'. Đúng y như sử gia đầu tiên của Á Châu, Tư Mã Thiên đã ghi lại. Nước Việt ở đây là U Việt của Tây Thi.

Như vậy đối với lê dân nước Sở, lãnh tụ của họ thường xưng là 'Vương' và mang tên giòng họ là 'Hùng', 'phiên dịch' thẳng từ tiếng Sở: 'Mị'. 'Hùng Vương' của thời Hồng Bàng nước Việt, do đó có thể là sản phẩm của trí tưởng tượng của dân nước Sở sau khi đã di dân đến miền đất khác, trong hồi ức với ngày xưa, ở vài thế kỷ sau.

Trở lại vấn đề truy tầm tiếng Sở, ta thấy ngay nếu tìm ra được tiếng chủng nào hiện nay có từ nào mang âm gần giống với /Mị/, và mang nghĩa 'con gấu' sẽ giải quyết dứt khoát dân của chủng nào đã là dân 'chủ lực' của nước Sở thời xa xưa. Rất tiếc trang web của nhóm nghiên cứu đại học Massachusetts chỉ cho biết tiếng Lào (cũng chủng Thái) có từ chỉ gấu là /Hmị/. Và tiếng Thái, chính là /Mik/. Ngoài ra, cũng có một hai mạng đặt giả thiết có thể người Hmong (tức Miêu) đã là chủ nhân nước Sở. Rất may, chúng tôi sưu tầm được đầy đủ các từ tiếng Thái, tiếng Mã Lai, tương đương với các từ hiếm của tiếng Sở, và xin trình bày trong bảng đối chiếu như sau:

NHỮNG TỪ THUỘC TIẾNG SỞ CÒN SÓT LẠI (trích từ [24])

SỞ	VIỆT	ENGLISH	THÁI	MALAY	HMONG	GHI CHÚ
Mị	Gấu	Bear	Mee (mii)	Beruang	Dais	Sở = Thái
Guk	Bú	Suckle	Duut (đút)	MenyeDUT	Nqus	Sở :: Thái::Malay
Mik	Mặt trời	Sun	Aathit	MAhahari	Hnub	Sở= Việt= Malay :: Thái
Gláp	Gươm	Sword	Krabee	Pedang	Ntaj	Sở = Thái :: Việt
U tu	Cọp (hồ)	Tiger	Suea	Harimau	Tsov txajj	Sở :: Thái

Chú thích:

- (i) Dấu '=' mang nghĩa: 'rất giống âm'. Dấu '::' chỉ: 'có âm gần gần giống'
- (ii) 5 từ còn sót lại của tiếng Sở được trích dẫn từ trang mạng của một nhóm nghiên cứu tại đại học Massachusetts ở Boston (Mỹ): umass.edu/wsp/tools/languages/Chu/history.html.
- (iii) Để ý tiếng Việt cũng dùng 'ĐÚT' nhưng mang nghĩa khác, 'mớm ăn' spoon feed. Không phải 'Guk' như tiếng Sở, hay 'Duut' như tiếng Thái,

- mang nghĩa 'Bú'. 'Guk' tiếng Sở phiên âm ra như 'Cầu' - xem Đông Chu Liệt Quốc, sẽ thấy tên một vị tướng Sở: 'Đậu Cầu Ô Đồ'
- (iv) Bởi cũng có một vài giả thuyết cho rằng người Hmong (tức Miêu) là hậu duệ của dân Sở - nên chúng tôi đã truy cập tại địa chỉ: ww2.saturn.stpaul.k12.mn.us/Hmong/sathmong.html để trích ra các từ Hmong tương ứng với 5 từ thuần Sở này. Kết quả cho thấy tiếng Hmong có vẻ ít máu bà con với tiếng Sở nhất. Đề ý: người Hmong xưng 'tôi' bằng /Kuv/. Có lẽ người Quảng Đông vay mượn /kuv/ của người Hmong và biến sang ngôi thứ 3: /koi/ = nó, cô ấy,...
- (v) Kết quả cho thấy rõ: Tiếng Thái giống tiếng nước Sở nhất. Do đó, thành phần Yueh (Việt) chủ lực ở nước Sở thời mới lập quốc chính là chủng THÁI. Đây là một trong những đóng góp chính của bài.
- (vi) Đề ý tiếng Mã Lai: Hari = ông Trời. Mat => Mặt. Do đó, Mặt Trời => MATaHari (Mã Lai). “Mặt” của tiếng Việt, rút tía một phần từ /Myiện/ của một phương ngữ Trung Hoa (xem loạt bài ‘Từ chữ Nôm’ [25]), một phần từ tiếng Mã Lai, y hệt: /Mat/ như trong ‘Matahari’. Đề ý thêm, tiếng Mã Lai gọi 'cọp' bằng 'HariMau' (Trời+Cọp). Cọp => Harimau (ông trời Cọp!) - cũng có ít nhiều tính chất ngôn ngữ Việt Nam.
- (vii) Đa số những từ cổ Sở này được gạn lọc từ những quyển cổ sử Tàu như: Xuân Thu, Sử Ký, Tả Truyện, v.v. Riêng cái tên 'Đấu Cầu Ô Đồ' chính là tên của một tướng nước Sở có trong bộ truyện 'Đông Châu Liệt Quốc'. Bản dịch của Nguyễn Đỗ Mục (Nxb Văn Học, Hà Nội) có ghi: Cầu = Bú, Ô Đồ = Cọp. Ông tướng Ô Đồ này hồi còn nhỏ bị bỏ rơi trong rừng, sống và lớn nhờ bú sữa cọp. Trong 'quyển Mã Lai', Bình Nguyên Lộc, tác giả đầu tiên, đã chú ý đến vấn đề này, nhưng không hiểu rút tài liệu từ đâu, ông ghi lộn 'Ô Đồ = bú sữa' => rồi liên kết với /Susu/ của tiếng Mã Lai, và 'Nậu = Cọp', (thay vì 'U tu'), rồi kết với 'HariMau', tiếng Mã Lai. Mặc dù dùng dữ kiện hơi sai trật (Nậu= cọp, thay vì đúng ra: U Tu), và quá chú tâm đến tiếng Mã Lai, nhưng Bình Nguyên Lộc cho thấy ông đi trước các nhà khảo cứu Mỹ cũng vài chục năm.

Chúng ta thấy khá rõ từ bản đối chiếu trên chủng Thái chính là thành phần lê dân chủ lực của nước Sở vào thời xa xưa. Và cũng từng là cư dân của các khu vực như: Tứ Xuyên (Thục), Quý Châu (Dạ Lang), Vân Nam (Điền Việt), Lương Quảng (Tây Âu). Còn những chủng nào ở tại Sở hay không? Muốn biết xin tra cứu trên mạng, về tỉnh Hồ Bắc (Hubei) và Hồ Nam (Hunan), cũng như nước Sở, theo pinyin quan thoại là 'Chu'.

Đại khái có vài ba nhóm người dân tộc hiện vẫn còn cư ngụ tại địa bàn nước Sở xưa.

- Người Thổ gia (Tujia): Có giả thuyết cho họ xuất thân từ đám Rợ đen (Wu Man) ở phía Nam Hồ Nam. Cũng có giả thuyết cho họ là hậu duệ của người nước Ba ngày xưa. Nước Ba nằm cạnh nước Thục ở khu vực Tứ Xuyên ngày nay. Phía Tây của Hồ Nam và Hồ Bắc. Cũng có thể họ là một trong đám rợ Tây Nhung hay Khuyển Nhung, đã đánh phá nhà Tây Chu khiến vua Chu thiên đô về Đông vào khoảng năm 770 TCN. Ít có khả năng nhóm người Thổ gia lại chính là hậu duệ dân Sở. Bởi họ từ các khu vực khác di cư đến, và những nếp sống của họ khác xa với dân Sở. Ngôn ngữ của họ giống Hoa ngữ hơn Sở ngữ. Với hình dung từ đi trước danh từ, chứ không phải theo kiểu Thái - Việt, và Sở (như Thần Nông). Dân Sở - tuy gốc rợ - nhưng đuổi kịp một Hoa Hạ rất nhanh.

- Người Hmong (tức Miêu [26]): Bình Nguyên Lộc [4] viện dẫn nhiều lý do để bác bỏ chủng Miêu là nguồn gốc dân Việt Nam. Trong đó có: (i) số người Miêu có chỉ số khác người Hoa và người Việt; (ii) Nếp sống, cho đến ngày nay, vẫn còn dựa trên chăn nuôi săn bắn hơn là trồng lúa, làm rẫy; và (iii) Ngôn ngữ của họ không giống tiếng Việt chút nào, như đã kiểm chứng phía trên. Một vài trang mạng cho biết có giả thuyết cho rằng người Tàu cóp chữ viết của Hmong tộc và tạo ra Hán tự. Gần đây trên báo mạng Viễn Du [26], Trần Trúc-Lâm có cho một bài về người Miêu tại Trung Hoa và Việt Nam. Chúng tôi sẽ trở lại với người Hmong vào các bài kế tiếp.

- Nhiều chủng khác, rất khó là chủng chủ lực tại Sở, như: Đông, Yao (thường xem như một chi của Hmong), Lo Lo, v.v.

- Và chủng Việt chi Lạc (tức Việt nam cổ), cũng đã có mặt tại nước Sở. Nhưng không phải là thành phần chủ lực đa số. Và họ rất dễ hoà chủng với dân Thái chủ lực, bởi Thái và Việt cổ chỉ là hai chủng lớn của Yueh mà thôi. Rất giống nhau ở cổ thời. Chắc chắn chủng Việt cổ (Lạc) đã có mặt chung quanh nước Sở, nhất là các nước nhỏ ở chung quanh, như: nước Quân, Dong, Trịnh, Trần,... Và hai nước thật lớn ở ven biển là Ngô (Hạp Lư & Phù Sai) và Việt (Câu Tiễn). Chủng Lạc còn có một nhóm không có đất nước gì hết, nhưng 'nay chỗ này mai chỗ nọ' y như dân du mục, thường gọi Bách Bộc hay Bộc Việt [4] [12] [20]. Đề ý, theo [12] viết dựa trên các quyển cổ sử Tàu, ban đầu nước Sở ưa liên minh với các nước cùng chủng như nước Thái (vâng, có nước gọi tên thẳng là Thái chỉ chủng Thái (hay Âu), ở phía Bắc Dương Tử giang), để đi đánh các nước chư hầu khác. Đến một hai trăm năm sau, vào khoảng năm 500 TCN, Sở có vẻ được Tàu hoá kỹ rồi nên bắt đầu đấm đá với các khối chủng Yueh (trong đó có nước Thái và đám Bách Bộc), và gọi họ là đám giặc Man.

Chủng Lạc đặc biệt tập trung rất đông ở phía Đông của Hồ Động Đình, kéo ra tận biên. Đó chính là 'châu Dương' bao gồm các vùng đất chiếm được của hai nước Ngô và Việt.

TÓM TẮT: Cư dân chủ lực của nước Sở ở thời Xuân Thu Chiến quốc bên Tàu, trước khi được Hoa hoá, chính là dân thuộc chủng Thái, hỗn hợp với dân chủng Hoa từ các nơi khác (như nước Châu chẳng hạn) di cư đến. Đặc biệt đám Bộc Việt (thuộc chủng Lạc) có mặt ngay tại nước Sở. Và cư dân của vùng đất Sở đã chiếm được từ Ngô và Việt. Vùng đất mới này thường được gọi Châu DƯƠNG.

TRUYỀN THUYẾT CỦA NGƯỜI SỞ DI CƯ

Xin trở lại với truyền thuyết Âu Cơ và Lạc Long quân, và trích dẫn trang sử sách quen thuộc [9] về truyền thuyết con rồng cháu tiên như sau:

'Cứ theo tục truyền thì Vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau đẻ ra người con tên Lộc Tục. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ.'

Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ phía Bắc giáp Động Đình Hồ (Hồ Nam), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm thành), phía Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía Đông giáp bể Nam Hải.

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây Lịch?) và lấy con gái Động Đình Quân là Long nữ đẻ ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ một lần được một trăm người con trai. Lạc Long quân bảo Âu Cơ rằng: "Ta là dòng dõi Long-quân, nhà người dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được. Nay được trăm đứa con thì nhà người đem 50 đứa lên núi, còn 50 ta đem xuống bể Nam Hải."

Qua bảng đối chiếu sự kiện trình bày phía trên, chúng ta sẽ thấy rõ truyền thuyết con rồng cháu tiên chỉ là một sản phẩm trí tuệ của con cháu những người di cư đến nước Nam, khởi xuất từ nước Sở của thời Xuân Thu Chiến Quốc xa xưa. Một truyện cổ tích của người Mường, hậu duệ của người Thái cổ - hợp chủng với người Lạc - nhưng vẫn giữ phần lớn cá tính của người chủng Âu (tức Thái) tại nước Sở. Một nước nổi tiếng với văn hoá lãng mạn, 'sexy', cũng như những chuyện cổ tích u linh hoang đường. Cũng một nước thuộc chủng Việt (chi Thái) suýt một chút có thể nhất thống nước Tàu và thay đổi lịch sử tự cổ chí kim.

Đọc kỹ lại truyền thuyết bằng đoạn văn ngắn ngủi phía trên chúng ta sẽ thấy đoạn văn đó thật hết sức cô đọng, và nói lên hết tất cả những gì thuộc về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, chúng ta để ý:

1. Truyền thuyết ghi thật rõ huyết thống và DNA của từng mỗi một nhân vật. Rất chính xác và không hề sơ suất. 'Sâu sắc' nhất là cái tên Kinh Dương Vương. Y cũng biểu tượng cho cả hai chủng Thái (châu Kinh) và Việt (châu Dương), xuất phát từ Sở di cư về phía Nam. Kinh Dương Vương cũng biểu tượng cho một người Thái lai Việt, bởi có Cha là Đế Minh (Thái) và mẹ Vụ Tiên nữ (Việt). Bởi mẹ có mạng là chòm sao trông coi vùng đất Bắc Việt [17]. Rồi Kinh Dương Vương 'lấy' Long nữ con gái của Động Đình Quân, dân miền sông hồ, thuộc chủng Lạc, nên sinh ra Lạc Long Quân có máu và DNA gần như hoàn toàn Lạc (Việt).

SỰ KIỆN	TÍNH CHẤT 'SỞ'	GHI CHÚ
Thần Nông	(a) tên viết theo văn phạm Thái-Việt; (b) có tượng với đầu mang sừng trâu tại Hồ Bắc (Sở); (c) người Mường cũng thờ Thần Nông.	gốc Sở, 'người' Sở
Đế Minh	(a) Đế = Vua, đặt trước tên riêng 'Minh'; (b) đi 'tour' loanh quanh trong khu vực thuộc chủng Yueh - chi Âu; (c) chỉ đi về hướng Nam mà thôi	'dân Sở'
Ngũ Lĩnh	5 rặng núi thuộc địa bàn nước Sở, gần Động Đình Hồ, thuộc Hồ Nam (Sở khi xưa)	địa danh Sở
nàng tiên	(a) Vụ Tiên nữ, cũng thuộc phía Nam nước Sở; (b) Taylor [17] dẫn Vụ Tiên nữ mạng chòm sao trông coi Bắc Việt	địa bàn của TIÊN: núi. Chủng Lạc ở Sở
Đế Nghi	(a) tên theo văn phạm tiếng Thái; (b) làm vua phương Bắc: chắc chắn trong địa phận Hồ Bắc (Sở); (c) Cổ sử Hoa cũng mơ hồ chỗ này, bởi họ nhận cho oai Thần Nông là 'người' Hoa.	cũng trong vòng nước Sở
Kinh Dương Vương	Những người từ châu KINH và châu DƯƠNG. Cả hai đều thuộc Sở. Kinh= Thái. Dương= Việt. Cha (Đế Minh) người Sở gốc Âu. Mẹ (Vụ tiên nữ) máu Lạc (Việt).	di cư của hai chủng từ đất Kinh và Dương
Xích Quỷ	(a) một tên tượng trưng bất chước: 'nước' Xích Dịch, dân màu da đỏ; (b) địa bàn phía Nam Ngũ Lĩnh có nhiều dân da màu thô chu, phân biệt với dân rợ da màu đen: U man; (c) Khu vực Tứ Xuyên (Thục xưa), chủng Thái, gồm toàn đất đỏ	sẽ trở lại vấn đề 'Xích Quỷ' ở một bài khác.
Biên giới Xích Quỷ	(a) giống như biên giới khối Bách Việt, với chủng Âu tại Sở làm chủ lực; (b) Khối Bách Việt này gồm 2 chi chính: Âu (Kinh) và Lạc (Dương)	Sở chính là 'minh chủ' khối Bách Việt.
Động Đình Quân và Long Nữ	(a) Địa chỉ: Khu Động Đình Hồ, thuộc Sở; (b) Dân miền sông nước => chủng Lạc	Bắt đầu giới thiệu chủng Lạc của khối Bách Việt
Lạc Long Quân	(a) Cha= Kinh DƯƠNG Vương > có gốc dân xứ Dương (chủng Lạc); (b) Mẹ= Long nữ, gốc sông nước	quốc tịch Sở, chủng Lạc (Việt)
Âu Cơ	(a) Họ như chủng Âu; (b) con gái Đế Lai, chủng Thái; (c) gốc nai đốm sao hay tiên: địa bàn núi rừng; (d) Người Mường xem như tổ mẫu; (d) tên giống y như ái cơ của Sở Bá Vương Hạng Yũ	Hoàn toàn được nhân mạnh và minh định: Chủng Âu, tức Thái
Hùng Vương	(a) tên hiệu y như các vua chúa nước Sở: họ Hùng, tước Vương => Hùng Vương; (b) 18 đời vua Hùng cóp y như 18 đời vua Hạ của Hoa chủng; (c) Mang hai giòng máu Thái và Việt, biểu hiệu cho hợp chủng, để chống Hoa.	Xem bài: '18 đời vua Hùng: Ý niệm về liên tục'

Phân ly	(a) Âu Cơ và Lạc Long Quân đều chia tay trong hai bản Mường và Việt, bởi là hôn nhân dị chủng; (b) Trên thực tế, ít nhất có 3 lần chia ly giữa 2 chủng: 1. Quảng Châu và Giao Châu, 2. người Mường và người Kinh, 3. Thái Lan và Việt Nam. Cả hai chủng xuất thân từ Sở.	Phân ly giữa hai chủng tộc Việt - Thái, là một chuyện có thật. Xảy ra ít lắm 3 lần.
Văn Lang	(a) Hoàn toàn không có trong thư tịch cổ của Tàu; (b) có vẽ mô phỏng tên xứ 'Dạ Lang' (Quý Châu ngày nay), phía Nam Hồ Nam (Sở), gồm chủng Âu (Thái) và Hmong.	Xem bài: 'Văn lang'

2. Tác giả cũng đã minh định rất khéo, theo lối ẩn dụ, trong thời gian câu chuyện xảy ra, cả hai khối dân di tản, đặc biệt khối Thái cổ, tức Âu hay Mường về sau, vẫn còn theo 'Mẫu Hệ' (matrilineal system). Bởi ở chỗ:

- Tác giả cho những người được lên làm vua, chung một họ mang nghĩa 'vua': ĐẾ. Như Đế Minh, Đế Nghi, Đế Lai, v.v. Nhưng tên cúng cơm của họ cứ khác nhau loạn xạ ngẫu: Lộc Tục, cha của ... Sùng Lãm, chứ không phải Lộc Lãm. Sùng Lãm có con mang tên Lạc Long Quân, họ Lạc cho tiện nghi mang máu chủng Lạc (Việt). Theo mẫu hệ, con gái mới có quyền mang họ Mẹ [4] [32]. Chỉ có Âu Cơ có vẽ mang họ Mẹ, nhưng tác giả tránh, và không tiết lộ tên họ Mẹ của Âu Cơ.

- Đám theo Lạc Long Quân có vẽ thích theo văn minh Hoa Hạ, nên vội bỏ mẫu hệ, chuyển mình theo phụ hệ, kiêu thế tập, qua việc chọn con trưởng lên làm vua, xưng Hùng Vương. Xin nhấn mạnh, theo bản Mường, hai phe vẫn giữ chế độ tù trưởng bộ lạc, hoặc cùng lắm kiểu 'liên minh bộ lạc' chứ chưa đến kiểu 'nhà nước thế tập' như các nước chư hầu thời Xuân Thu Chiến quốc ở miền Hoa Bắc.

3. Mỗi đám con theo Âu Cơ và Lạc Long Quân đều mang trong người hai giòng máu, Thái và Việt. Điểm này cho biết sự tự do lựa chọn, ai muốn theo mẹ lên núi thì theo, và ai muốn đi với cha về vùng đồng bằng gần sông biển, thì đi. Trên thực tế, chắc chắn có một số đông người Thái cổ thích ở lại miền đồng bằng, để rồi về sau trở thành người Kinh. Và ngược lại đã có một số khác thuộc chủng Việt không thích Tàu và lên miền rừng núi, trở thành Mường. Bình Nguyên Lộc [4] cho biết có một bộ tộc Mường đã được khám phá có gốc Việt chay. Ngoài ra, sự hợp chủng, hay ít ra sống gần bên nhau, giữa Thái và Việt có thể diễn tiến hàng trăm năm trước đó khi còn giao tác bên sông Dương Tử. Đến khi họ di cư tới khu bình nguyên sông Hồng, hai chủng vẫn sống hợp bên nhau, xuyên qua thời Âu Lạc của Thục Phán, Nam Việt của Triệu Đà. Rồi cho đến lúc kẻ thù năm xưa là Hoa chủng tái xuất hiện, vào khoảng thế kỷ thứ 1 trước Công Nguyên, hai chủng mới nghĩ đến sự chia tay. Đó là lúc Âu Cơ và Lạc Long Quân cãi vã với nhau và sau cùng xé bỏ hôn thú cũ, đã làm tại nước Sở.

KẾT

Còn rất nhiều điểm về việc giải mã truyền thuyết 'con rồng cháu tiên' chưa được trình bày, dù trong dạng đơn sơ nhất, trong hai bài qua. Qua phần tham khảo các tài liệu để viết nên bài này chúng tôi đã thu lượm một vài nhận xét, như sau:

1. Thật ra vẫn có nhiều bài viết vài chục năm trước, như [4] và [20], đã từng đề cập đến 2 chủng chủ yếu ở nước Sở là Thái và Việt. Tuy nhiên, những tác giả này thường phải dựa được vào một số khung đối chiếu có sẵn, và không vượt ra khỏi các khung đối chiếu đó. Bởi khung đối chiếu của Tàu luôn có khuynh hướng không thêm phân biệt các chi chủng của khối Bách Việt. Các vị tiền bối của ta cũng dễ rơi vào tình trạng tương tự. Thông thường họ vẫn phải gộp chung lại các chủng Bách Việt thành một khối Mã Lai hay chủng In-đô-nê-siêng. Từ đó điểm căn bản nhất, sự phân biệt và cuối cùng, phân ly giữa hai chủng Âu và Lạc, rất dễ bị lướt qua.

2. Những vị tiền bối thường xem những gì do người Tàu hoặc Tây, hay Nhật viết đều có nhiều sức nặng hơn tự mình tìm tòi. Nhưng rất thường, các tác giả Âu Mỹ Nhật, lại cũng dùng tài liệu Tàu hay của chính Việt Nam để viết về sử Việt. Lại một cái vòng lẩn quẩn, rất khó thoát. Thí dụ: Bửu Cầm [20] có một đoạn cho biết dân chủ lực tại Sở bao gồm chủng Bách Việt, nhưng dẫn từ một tác giả Nhật Bản. Đọc mãi mới thấy ông Nhật này lại dựa vào 'Đại Việt Sử Ký Toàn Thư' của Ngô Sĩ Liên.

3. Việc bỏ sót quan sát nước Sở như một cái nôi của dân Việt có lẽ bắt nguồn từ chỗ cổ sử Việt mang nặng ảnh hưởng của sử sách Tàu. Sử sách Tàu luôn cố ý che đậy việc khác chủng giữa Hoa tộc với các nhóm 'rợ thật tiến bộ', như Sở, Ngô, Việt (Câu Tiễn), Bộc Việt (chúng tôi sẽ chứng minh chính là người Hẹ), v.v. Từ đó, người Việt từ ngàn xưa, ngay cả những người thích đọc Đông Châu Liệt Quốc, không bao giờ ngờ rằng người Sở trong vài trăm năm đầu thuở lập quốc, toàn nói tiếng Thái và tiếng Việt cổ.

4. Những người viết sử Việt cũng thường không ra khỏi cái khung nghiên cứu người Tàu đã vạch ra. Họ ưa chú trọng nhiều đến các chi tiết, phần lớn có thể sắp vào hạng 'ngoại vi'. Đọc các tài liệu sử Việt, chúng ta thường thấy, chữ này đáng lẽ phải viết làm sao đọc làm sao mới đúng. Gần như cứ vài trang là có chuyện linh kinh như thế, kể cả những quyển sử đồ sộ, như [9] [10] [28]. Thí dụ: Trạch Hu Tông, vua nước Tây Âu, có phải thật ra mang tên là Dịch Hu Tông hay chẳng. Và gần đây có thêm một cái mốt: Bỏ bớt tên 'Sách' của ông Thi Sách, chồng bà Trưng Trắc, viện dẫn 'Sách' viết tiếp theo 'Thi' có thể mang nghĩa 'Hỏi': ông Thi 'hỏi' (đồng nghĩa với: Sách) bà Trắc có chịu làm vợ ông Thi hay không? Dựa trên các tài liệu viết bằng chữ Hán, và hoàn toàn không ngờ rằng người Hán (Tàu) cũng rất mù mờ về các chi tiết hết sức gút mắt của sử nước Việt cổ.

Nhìn chung, truyền thuyết con rồng cháu tiên khi mới nhìn có vẻ mang tính chất 'đầu Ngô mình Sở'. Nhưng khi đọc đi đọc lại và so sánh với bản Mường, chúng ta đã được dịp thấy rõ, rất có thể truyền thuyết đã được dàn dựng và 'hiệu đính' với

những 'lô-gích' hết sức chặt chẽ, gói ghém rất nhiều dữ kiện súc tích lẫn thông điệp rất quan trọng dành cho hậu thế.

Phần lớn bài này tập trung vào chủng Âu tức Thái, như chủng chủ lực ban đầu tạo dựng nên dân tộc và nước Việt Nam. Ở một bài khác chúng tôi sẽ cố gắng phân tích đóng góp của các chủng Việt khác, theo 'truyền thuyết con rồng cháu tiên' đã được biểu tượng bằng đám con đi theo Lạc Long Quân.

Ghi Chú

[1] Jeanne Cuisinier (1946) Les Mường – Géographie Humaine et Sociologie. Institut d'Ethnographie. Paris

[2] Nguyễn Hiến Lê (2002) Sử Trung Quốc. Nxb Văn Hoá

[3] Website sau đây cho đầy đủ danh sách các triều vua chúa bên Tàu: hostkingdom.net/china.html#Ch'u. Một vài pinyin cho việc tra cứu: Sở = Chu (hay Ch'u); Châu = Zhou; Tề = Qi (hay Chi); Tần = Qin; Tấn = Jin; Thần Nông = Shen Nong; Hồ Nam = Hunan; Hồ Bắc = Hubei; Thiểm Tây = Shaanxi; Cam Túc = Gansu; Việt = Yue (hay Yueh); Đông Đĩnh Hồ = Dongtinghu; Tứ Xuyên = Sichuan; Vân Nam = Yunnan; Dương Tử = Yang Tze; Hoàng Hà = Huang he; Người Miêu = Hmong; Họ = Hakka;...

[4] Bình Nguyên Lộc (1971) Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam. Nxb Xuân Thu (USA) tái bản.

[5] Website về khảo cứu nước Sở ở đại học Massachusetts (thành phố Boston): umass.edu/wsp/tools/languages/Chu/history.html OR [lexicon.html](http://umass.edu/wsp/tools/languages/Chu/lexicon.html)

[6] Muốn hiểu tiến trình đồng hoá về ngôn ngữ và lối sống, đặc biệt giữa những chủng có cùng màu da, và trong hoàn cảnh hội nhập ... văn minh, xin xem 'mô hình' nhận di dân ngày nay của các nước như Úc, Mỹ, Canada, đặc biệt từ Âu Châu. Hội nhập và xử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ có thể xảy ra chỉ trong vòng 1-2 thế hệ, hay năm sáu mươi năm.

[7] 'Cơ' trong tiếng Việt có thể phát âm như 'Kỹ', thí dụ người Ca Kỹ 歌姬.

Nhưng tiếng Hoa (quan thoại) chỉ có một lối viết, một lối đọc: 姬 /Ji/. Chuyện người hùng Hạng Yũ (Vũ) có thể tìm thấy trên nhiều mạng khi tìm 'Xiang Yu'.

[8] Nguyễn Nguyên (2005) Phải chăng người Việt cổ đã biết tiếng Anh: Ai= I= Tôi. Xem báo mạng talawas.org, tháng 3, 2005

[9] Trần Trọng Kim (1971) Việt Nam Sử Lược. Trung Tâm Học Liệu của Bộ Giáo Dục xuất bản. Đại Nam tái xuất bản tại Hoa Kỳ.

[10] Ngô Sĩ Liên và cộng sự (1497). Đại Việt Sử Ký Toàn Thư. Thanh Việt và Phạm Ngọc Luật hiệu đính theo bản dịch của Đào Duy Anh. Nxb Văn Hoá Thông Tin (2004). Bản của Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam được trình bày đầy đủ trên mạng internet: perso.wanadoo.fr/charite

- [11] Nicola Di Cosmo (2002) *Ancient China and its Enemies - The Rise of Nomadic Power in East Asian History*. Cambridge University Press
- [12] Đường Nhuận Sinh, Bao Thúc Diễm & Chu Chính Thư (2002) *Muru Trí thời Xuân Thu*. (Ông Văn Tùng & Vũ Ngọc Quỳnh dịch). Nxb Văn Nghệ, TP HCM
- [13] Chuyện cài áo bên trái cũng là một nét hết sức đặc trưng thuộc hội chứng dị ứng của chủng Hoa. Họ thấy người chủng Yueh, có lẽ thuận tay trái ngày xưa, ưa cài vạt áo phía bên tay trái nên cho là kì, là man yi, ... rợ. Người viết có hỏi một bằng hữu người gốc Hải Nam. Bằng hữu cho biết mấy ông bà cụ thật già vẫn còn có vạt áo trái. Người ngoài đường vẫn có thể chú ý như thường, và xem cái đó 'không hợp thời trang', hoặc kém văn minh!
- [14] Một điểm trùng hợp của các địa bàn của chủng Âu tức Thái: Thức ăn tại các nơi này đều rất cay. Y hệt như đồ ăn Thái Lan ngày nay. Mặc dù thức ăn Thái về sau mang ảnh hưởng cà-ri Ấn Độ. Trước hết, đồ ăn Trùng Khánh - Tứ Xuyên (tức khu nước Thục thời xưa, quê hương Đặng Tiểu Bình). Tiếp đến đồ ăn Hồ Bắc - Hồ Nam. Rồi Vân Nam (tức Đại Lý hay Nam Chiếu, hoặc Điền Việt). Tứ Xuyên, Hồ Bắc Hồ Nam, Vân Nam là 3 nơi có thức ăn cay nhất nước Tàu. Người viết đặc biệt đã có zip nếm được thức ăn thật 'thuần túy cay' của Tứ Xuyên (Chinatown), Hồ Nam (Burwood), và Thái Lan (Redfern), ngay tại Sydney. Đặc biệt, món lẩu Tứ Xuyên và cà-ri cô truyền Thái, có chứa trong đó chừng một chục trái ớt hiểm, hai ba 'chùm' tiêu hột, xanh đen đủ thứ. Cay nhớ đời đến một hai ngày sau. (Độc giả truy cập mạng về trang du lịch của mấy nơi này trên internet sẽ thấy họ đều quảng cáo có một chuyện chung chung: thức ăn các nơi này rất cay. Phải chăng đó hơn một sự trùng hợp ngẫu nhiên của các địa bàn chủng Âu tức Thái cổ?)
- [15] Chử Văn Tân (2003) *Văn Hoá Đông Sơn – Văn minh Việt Cổ*. Nxb Khoa Học Xã Hội.
- [16] Hoài Nam Vương Liu An (cháu của Liu Bang) thuật rõ trận chiến theo lối du kích của dân Tây Âu trong quyển 'Hoài Nam Tử', 'xuất bản' trong khoảng thế kỷ 2 trước Công Nguyên (xem [4] & [17]). Trong cuộc chiến đó, quân Tần giết được vua Tây Âu là Trạch (Dịch) Hu Tổng. Dân Tây Âu (tức Âu 'Việt') rút vào rừng kháng chiến và giết lại được tướng Tần là Uất Đồ Thư. Một nhầm lẫn khác: nước Tây Âu Lạc. Thật ra không có nước nào mang tên nước Tây Âu Lạc cả. Chỉ có nước Tây Âu và nước Âu Lạc. Nước Âu Lạc nằm về phía Tây của Nam Hải. (xem [4] & [17]). Đặc biệt Bình Nguyên Lộc đã dành cả một chương để bàn về vấn đề này cùng những dụng ý khá mập mờ của những học giả Pháp, khi họ xuống cấp Trạch Hu Tổng, vua nước Tây Âu, thành tù trưởng.
- [17] Keith Weller Taylor (1983) *The Birth of Vietnam*. University of California Press
- [18] Xem website của British Council về gốc gác của binh lính Thục Phán: dân Tây Âu, Viet%5FNam/Directories/Vi_ACYAIw-7879_ADs-t_Nam_Cultural_profile/-3194.html
- [19] Keith Weller Taylor [17] có dẫn một học giả Pháp thời tiền chiến, cho rằng có một ngôi mộ ở miền Hoa Nam có thể là mộ của...Kinh Dương Vương. Theo thiên

ý, nhằm lẫn 'huyền sử' với "người thật" của lịch sử, theo kiểu 'mộ của Kinh Dương Vương', đã cho thấy ai cũng có thể bị 'tẩu hỏa nhập ma' với các vấn đề cổ sử.

[20] Bửu Cầm (1971) Tương quan giữa những hình chạm trên trống đồng Việt tộc và bài 'Đồng Quân' trong Sở Từ. Tập san SỬ ĐỊA, năm thứ VIII, số 25, tháng 1-3, 1971.

[21] 'Việt' trong 'Việt Nam' là một từ do quốc ngữ biến đổi từ 'Yiệt'. Bởi chỉ trừ phương âm Triều Châu (và Phúc Kiến) có phát âm như /Wiật/ tất cả những thứ tiếng khác, như Mường, Quan thoại, Quảng Đông, Sơn Đông, Họ, Nhật, ... đều phát âm với âm /Y/ ở đầu, y như Yuệt. YUEH cũng chính là lối gọi tắt tỉnh Quảng

Đông. Nhưng viết khác, 'Việt' chỉ Quảng Đông, viết theo bộ Mễ: 粵. Trong khi từ 'Việt' dùng để chỉ 'Việt Nam' họ viết 越, bao gồm {Tẩu}+{Qua}.

[22] Đề ý Thái Lan (và Việt Nam) ngày nay cũng khá nổi tiếng với đồ sơn mài và hàng tơ lụa.

[23] Đề ý người thiết lập nên nhà Hán và đưa từ HÁN vào để chỉ người Hán, Hán tự, Hán tộc, v.v. là Liu Bang, gốc người xứ Giang Tô (Jiang su). Giang Tô chính là địa bàn nước Ngô (với Ngô Phù Sai), một nước của rợ Việt, thuộc chủng ...Lạc. Ngô về sau bị Câu Tiễn của U Việt dứt điểm. Sau đó Việt bị Sở thôn tính (333 TCN), sau khi liên kết với Tề. Bởi đất Giang Tô thuộc Sở trước khi Tần thôn tính, nên cả Hạng Yũ và Lưu Bang đều được xem như người nước Sở. Cũng có thể Lưu Bang mang chút ít máu...Việt?

[24] Website của đại học Massachusetts cho từ vựng của Sở:
umass.edu/wsp/tools/languages/Chu/history.html

[25] Nguyễn Nguyễn (2004) Từ chữ Nôm đến quốc ngữ. Xem tại các báo mạng: aihuucongchanh.com, honque.net, khoahoc.net, v.v.

[26] Người Hmong không thích người khác gọi họ bằng Miêu. Miêu chính thật không phải nghĩa Mèo, như thường nhầm, nhưng mang nghĩa: Hạt giống. Có rất nhiều websites về người Hmong trên mạng. Trong đó có các tạp chí của giới khoa bảng nghiên cứu về người Hmong: hmongnet.org. Gần đây có bài viết tiếng Việt rất sâu rộng về người Hmong, được đăng trên mạng: Trần Trúc-Lâm (1999) Người Miêu: Lịch Sử của một dân tộc lưu vong. Xem báo mạng Viễn Du: viendu.com

[27] Một trong những đóng góp của Sở vào nền văn hoá Trung Hoa chính là Sở Từ, thường được xem ngang hàng với Kinh Thi của chủng Hoa. Nổi tiếng nhất là bài Cửu Ca, do nhà thơ yêu nước Khúc Nguyên sáng tác. Khúc Nguyên (340-278 TCN) là một đại thần, bà con với vua nước Sở. Sau khi dâng sớ xin vua hãy đề phòng nước Tần, và nên liên kết với Tề ở phía Đông, cũng như đề nghị vua nên bài trừ tham nhũng, Khúc Nguyên bị đả mạt thân ghen ghét. Vua Sở sau đó nghe lời đả mạt thân cách chức và tống Khúc Nguyên đi lưu vong. Trên bước đường lưu vong, Khúc Nguyên đã sáng tác nhiều áng văn thơ bất hủ. Đặc biệt bài Cửu Ca, theo thể Sở Từ, rất 'ăn khớp' với các hình chạm trên trống đồng. Bài Cửu Ca [20] cũng như hình chạm trên trống đồng (hay thạp Đào Thịnh [4]) miêu tả hoạt cảnh lên đồng (shamanism) mà tột điểm chính là giao hoan giữa người đồng cốt và thánh thần [4] [20]. Đề ý việc lên đồng chính là một 'cái đỉnh' cho nhiều nhà

khảo cứu tìm tòi về nguồn gốc dân Việt (Nam) (thí dụ: [4]). Theo thiên ý, thật ra cũng có thể shamanism (lên đồng) phổ thông đối với chủng Thái cổ, hơn là chủng Việt. Rất tiếc sự phân biệt các chủng Yueh (Việt) trong nhóm Bách Việt di cư đến bình nguyên sông Hồng trước tiên, từ trước đến nay luôn luôn bị bỏ sót hay bị che mờ bởi nạn gộp các chủng lại thành 1 khối, nên các nhà khảo cứu thường xem việc lên đồng là của chủng Việt nói chung. Theo thiên ý, 'tông' giáo 'lên đồng' có vẻ của chủng Âu tức Thái cổ, thời chưa di cư đến Bắc Việt, hơn là của chủng Lạc.

[28] Khuyết Danh (1377-1388) Đại Việt Sử Lược. Người dịch: Nguyễn Gia Tường. Người hiệu đính: Nguyễn Khắc Thuần. Nxb Thành Phố HCM (1993). Có bản được lên mạng tại perso.wanadoo.fr/charite

[29] Stephen Oppenheimer (2001) Eden in the East – The Drowned Continent of Southeast Asia. 2nd Impression. Phoenix

[30] Thật ra một số từ tiếng Hán viết có thay đổi. Chung qui có lẽ người sau vì không hiểu rõ vấn đề nên cố ý viết chữ Hán với một tự dạng khác. Y hệt như viết 'Ngu Cơ' và 'Âu Cơ' bằng hai chữ Hán khác nhau. Thật ra phát âm như một, cho bất kỳ sắc tộc nào ở Trung Hoa hiện nay. Cũng ở vấn đề này, những nhà khảo cứu trong nhiều thế kỷ sau dễ lướt qua, không chịu để ý đến cội nguồn hoặc những từ vay mượn có tính ẩn dụ. Thí dụ: Kinh Dương Vương 經 楊 王 nếu viết y như vậy người đọc sẽ thấy ngay đó là châu Kinh và châu Yương. Thế nhưng 'Dương' trong tên Kinh Dương Vương lại viết khác, viết như 陽, nghĩa 'thái dương', để tránh chữ 'Dương' 楊 dùng để chỉ họ, mang nghĩa 'dương liễu'. Thí dụ khác: Hùng Vương tại nước Sở được viết khác với Hùng Vương tại 'nước Văn Lang'. Vua Hùng ở Sở chính là chữ Tàu dịch từ 'Mị' tiếng Sở, mang nghĩa con gấu: Hùng = 熊. Vua

Hùng theo truyền thuyết mang nghĩa 'Hùng mạnh', hùng dũng, viết như: 雄.

[31] Khúc Nguyên, tác giả Cửu Ca, Ly Tao, cùng những áng thi văn bất hủ khác, sau khi nghe tin nước Sở đã thất thủ trước quân Tần, đã tự trầm tại sông Mịch La vào ngày 5 tháng 5. Ngày 5 tháng 5 từ đó trở thành Tiết Đoan Ngọ, một ngày cực nóng ở Trung Hoa. Đó cũng là ngày nhân vật Trương Vô Kỵ của Kim Dung lên núi Thiếu Lâm chiến đấu với 3 vị cao tăng để giải cứu Tà Tôn. Vô Kỵ mạng Hỏa, rất cần ngày tiết Đoan Ngọ để mạng Hỏa trở nên cực thịnh, mới chống lại được 3 cao tăng kia, thuộc mạng Thủy (Xem: Thử đọc lại Kim Dung (5): Cô gái Đồ Long).

[32] Website về một giống người vẫn còn theo mẫu hệ ngày nay: thingsasian.com/goto_article/article.1862.html